

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14- 6-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tạ Kỳ Trung
- Bà Dương Thị Mỹ Liên

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa: ông Võ Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trương Thị S, sinh năm: 1980; địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có đơn xin vắng mặt);

- Bị đơn: anh Lương Minh T, sinh năm: 1972; địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai đề ngày 07-8-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Trương Thị S trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Lương Minh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại xã H, T, Tây Ninh. Vợ chồng sống chung nhà mẹ ruột chị tại B, H, T, cả hai đi làm thuê. Vợ chồng sống đến năm 2021 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T đi nuôi mẹ bị nhiễm covid về vợ chồng không còn quan hệ tình cảm với nhau, anh không chịu đi làm để phụ chị nuôi con, trả nợ, mặc dù sống chung nhà nhưng không ai nói đến ai, cuộc sống không hạnh phúc. Tháng 5-2023 chị bỏ đi làm công nhân thuê nhà trọ ở luôn, lúc

đó anh T lấy quần áo bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2023. Thời gian này anh chị không gặp nhau bàn việc đoàn tụ, gia đình hai bên không giải quyết. Do vợ chồng không còn tình cảm, cũng không thể tiếp tục sống chung được nữa, nên chị xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: có 03 con tên Lương Thị Minh T1, sinh ngày 07-3-2003, Lương Thị Hồng T2, sinh ngày 13-01-2005, Lương Minh T3, sinh ngày 30-7-2018, cháu T1 đã lập gia đình riêng, cháu T2 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, hiện chị đang nuôi cháu T3, chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu T3, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: có 01 chiếc xe Wave Alpha không nhớ biển số, anh T đang quản lý, chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lương Minh T vắng mặt nên không có ý kiến: Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến Tòa án, không có ý kiến, cũng không cung cấp lời khai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị S có đơn xin giải quyết vắng mặt có lý do; anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt, nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị S đối với anh Lương Minh T; về con chung: giao cháu Lương Minh T3, sinh ngày 30-7-2018 cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: chị S không yêu cầu, anh T không có ý kiến nên không giải quyết; về nợ chung: chị S khai không có, anh T không có ý kiến nên không giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* chị S có đơn xin giải quyết vắng mặt có lý do; anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt, nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* chị S, anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận

và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 5 năm 2023.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm và sống ly thân từ tháng 5 năm 2023. Theo chị S là do anh T không chịu đi làm để phụ chị nuôi con, trả nợ, cuộc sống không hạnh phúc, nên chị bỏ đi và xin ly hôn. Anh T thì vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án, tức là anh chị không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 03 cháu tên Lương Thị Minh T1, sinh ngày 07-3-2003, Lương Thị Hồng T2, sinh ngày 13-01-2005, Lương Minh T3, sinh ngày 30-7-2018, cháu T1 đã lập gia đình riêng, cháu T2 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết, hiện chị S đang nuôi cháu T3, chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu T3, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh T không có ý kiến. Xét thấy, chị S đã nuôi con ổn định, yêu cầu về nuôi con của chị S là tự nguyện. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, nghị nên chấp nhận yêu cầu của chị S, giao cháu T3 cho chị S được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình. Ghi nhận chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: chị S khai có 01 chiếc xe Wave Alpha không nhớ biển số, anh T đang quản lý, chị không yêu cầu giải quyết. Anh T không có ý kiến, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị S khai không có, không yêu cầu giải quyết, anh T không có ý kiến, nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị S chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị S đối với anh Lương Minh T. Chị S được ly hôn với anh T.

2. *Về con chung*: giao cháu Lương Minh T3, sinh ngày 30-7-2018 cho chị Trương Thị S được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Lương Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Riêng 02 cháu Lương Thị Minh T1, sinh ngày 07-3-2003 và Lương Thị Hồng T2, sinh ngày 13-01-2005 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: chị S khai có 01 chiếc xe Wave Alpha, anh T đang quản lý, chị không yêu cầu giải quyết. Anh T không có ý kiến, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị S khai không có, không yêu cầu, anh T không có ý kiến, nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Trương Thị S chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027616 ngày 10-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị S nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Đôn Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An